

BÁO CÁO
CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH
9 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

Thực hiện Công văn số 9505/BTC-NSNN ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính về công khai ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Căn cứ các quy định về công khai NSNN theo Luật NSNN năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật NSNN; Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách 9 tháng đầu năm, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ báo cáo công khai số liệu và báo cáo thuyết minh tình hình thu - chi ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2018 trên địa bàn như sau:

I. Kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

1. Tổng thu NSNN ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2018 là 4.329,1 tỷ đồng, đạt 72% dự toán (6.025 tỷ đồng) và tăng 3% so cùng kỳ (4.198,8 tỷ đồng). Trong đó:

1.1. Thu nội địa: ước thực hiện 4.081,1 tỷ đồng, đạt 70% dự toán (5.800 tỷ đồng) và tăng 2% so cùng kỳ (4.012,2 tỷ đồng).

Nhiệm vụ tài chính - ngân sách những tháng đầu năm 2018 của tỉnh được thực hiện trong điều kiện có nhiều yếu tố thuận lợi: Kinh tế tiếp tục đà tăng trưởng; kết cấu hạ tầng được chú trọng; môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện; Giá cả thị trường và mặt bằng lãi suất ổn định; Hoạt động xuất, nhập khẩu tăng cao,...

Có 6 khoản thu nội địa đạt tỷ lệ cao trên 80% dự toán năm, trong đó:

- Thuế thu nhập cá nhân 205,7 tỷ đồng đạt 91% dự toán năm, bằng 141% so với cùng kỳ năm trước.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 8,06 tỷ đồng đạt 202% dự toán năm, bằng 121% so với cùng kỳ năm trước.

- Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước 125,3 tỷ đồng đạt 104% dự toán năm, bằng 72% so với cùng kỳ năm trước.

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản 27,9 tỷ đồng đạt 121% dự toán năm, bằng 163% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác 21,7 tỷ đồng đạt 97% dự toán năm, bằng 132% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu khác ngân sách 143,8 tỷ đồng đạt 96% dự toán năm, bằng 122% so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: ước thực hiện 247,97 tỷ đồng, đạt 110% dự toán (225 tỷ đồng) và tăng 33% so cùng kỳ (186,56 tỷ đồng).

2. Thu ngân sách địa phương theo phân cấp: Ước thực hiện 3.442,4 tỷ đồng, đạt 72% dự toán, bằng với cùng kỳ.

Các khoản thu Ngân sách địa phương được hưởng 100% đạt 497,9 tỷ đồng, đạt 38% dự toán năm, bằng 43% so với cùng kỳ năm trước.

II. Chi ngân sách địa phương:

Tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2018 (không tính tạm ứng ghi thu ghi chi và chuyển giao giữa các cấp ngân sách) là 8.756,9 tỷ đồng, đạt 75% dự toán, tăng 13% so với cùng kỳ. Trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển: 2.965,4 tỷ đồng, đạt 239% dự toán chi đầu tư phát triển (1.240,5 tỷ đồng), tăng 20% so với cùng kỳ; chiếm tỷ trọng 34% tổng chi cân đối ngân sách. Công tác phân bổ vốn đầu tư công năm 2018 được thực hiện đảm bảo đúng quy định. Chín tháng đầu năm, tiếp tục đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các công trình hạ tầng giao thông, thương mại, dịch vụ quan trọng.

2. Chi thường xuyên: 5.774,99 tỷ đồng, đạt 70% dự toán và tăng 9% so với cùng kỳ. Có 3 nội dung chi thường xuyên đạt dưới 70% dự toán năm đó là: Chi giáo dục – đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp văn hóa thông tin và chi sự nghiệp kinh tế.

3. Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay: 3,64 tỷ đồng đạt 85% dự toán năm và bằng 244% so với cùng kỳ năm trước.

(Chi tiết theo các phụ biểu đính kèm)./. 

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Công TTĐT tỉnh (đăng bc);
- UBND các huyện, thành, thị;
- CVP, PCVPTH;
- Lưu VT, TH2 (H.100b) 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Hoàng Công Thủy



Biểu số 59/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2018(Kèm theo Báo cáo số 184/BC-UBND ngày 12/10/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	6.025.000	4.329.111	72	103
I	Thu cân đối NSNN	6.025.000	4.329.111	72	103
1	Thu nội địa	5.800.000	4.081.143	70	102
2	Thu từ dầu thô		-		
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	225.000	247.968	110	133
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NSDP	11.920.760	8.756.917	73	113
I	Chi cân đối NSDP	9.996.287	8.756.917	88	113
1	Chi đầu tư phát triển	1.240.450	2.965.362	239	120
2	Chi thường xuyên	8.512.150	5.774.991	68	109
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	4.300	3.640	85	244
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.200		-	
5	Dự phòng ngân sách	195.240		-	
III	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	1.924.473		-	
C	BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP				
D	CHI TRẢ NỢ GỐC				

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2018
(Kèm theo Báo cáo số 184/BC-UBND ngày 12/10/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG 2018	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	6.025.000	4.329.111	72	103
I	Thu nội địa	5.800.000	4.081.143	70	102
1	Thu từ khu vực DNNN	1.244.000	892.733	72	99
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	205.000	127.628	62	97
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.360.000	873.284	64	101
4	Thuế thu nhập cá nhân	225.000	205.732	91	141
5	Thuế bảo vệ môi trường	1.400.000	882.751	63	109
6	Lệ phí trước bạ	305.000	221.439	73	140
7	Các loại phí, lệ phí	120.000	80.821	67	80
8	Các khoản thu về nhà, đất	724.000	587.008	81	80
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.000	8.061	202	121
-	Thu tiền sử dụng đất	600.000	453.608	76	82
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	120.000	125.339	104	72
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				-
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	23.000	27.936	121	163
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước		700		
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	22.000	15.548	71	104
12	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	22.300	21.716	97	132
13	Thu khác ngân sách	149.700	143.847	96	122
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	225.000	247.968	110	133
IV	Thu viện trợ				
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	4.788.110	3.442.413	72	100
1	Từ các khoản thu phân chia	3.471.800	2.944.482	85	129
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	1.316.310	497.931	38	43

18



Biểu số 61/CK-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2018
(Kèm theo Báo cáo số 184/BC-UBND ngày 12/10/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG 2018	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP	11.633.121	8.756.917	75	113
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	9.708.648	8.756.917	90	113
I	Chi đầu tư phát triển	1.240.450	2.965.362	239	120
1	Chi đầu tư cho các dự án		2.965.362		120
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				-
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	8.267.458	5.774.991	70	109
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.823.260	2.348.181	61	108
2	Chi khoa học và công nghệ	35.461	39.282	111	170
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	721.846	747.804	104	158
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	166.825	88.769	53	109
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	33.166	33.659	101	115
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	32.673	29.929	92	93
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		65.170		120
8	Chi sự nghiệp kinh tế	1.158.077	427.740	37	138
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1.784.189	1.297.646	73	103
10	Chi bảo đảm xã hội	511.961	439.142	86	76
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	4.300	3.640	85	244
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.200		-	
V	Dự phòng ngân sách	195.240		-	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	1.924.473	-	-	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên				

12